

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VÀ KỸ NĂNG PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Hoàng Thị Minh
Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Tóm tắt: Trong bối cảnh tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp, việc nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng ngừa tội phạm cho sinh viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng nhận thức và kỹ năng phòng ngừa tội phạm của sinh viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu thông qua khảo sát 120 sinh viên. Kết quả cho thấy đa số sinh viên có nhận thức ở mức cơ bản, tuy nhiên kỹ năng thực hành còn hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục phòng ngừa tội phạm trong nhà trường.

Từ khóa: nhận thức pháp luật, phòng ngừa tội phạm, sinh viên, kỹ năng, giáo dục pháp luật.

ASSESSING THE LEVEL OF AWARENESS AND SKILLS IN CRIME PREVENTION AMONG STUDENTS: A STUDY AT THE COLLEGE OF EDUCATION IN BA RIA - VUNG TAU

Abstract: In the context of increasingly complex developments in crime, enhancing students' awareness and crime prevention skills is of particular importance. This study aims to assess the current state of students' awareness and crime prevention skills at Ba Ria - Vung Tau Teacher Training College through a survey of 120 students. The findings indicate that while the majority of students possess a basic level of awareness, their practical skills remain limited. Based on these results, the paper proposes several solutions to improve the effectiveness of crime prevention education within the institution.

Keywords: legal awareness, crime prevention, students, skills, legal education.

Nhận bài: 01/03/2026

Phản biện: 27/03/2026

Duyệt đăng: 30/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xã hội hiện đại, sinh viên là lực lượng tri thức trẻ, năng động nhưng cũng dễ trở thành đối tượng bị tác động bởi các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm công nghệ cao, lừa đảo qua mạng, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Việc trang bị kiến thức pháp luật và kỹ năng phòng ngừa tội phạm không chỉ giúp sinh viên tự bảo vệ mình mà còn góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhận thức và kỹ năng của sinh viên về vấn đề này vẫn còn nhiều hạn chế.

Nghiên cứu tập trung đánh giá mức độ nhận thức của sinh viên, phân tích kỹ năng xử lý các tình huống liên quan đến tội phạm, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục phòng ngừa tội phạm trong nhà trường.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về nhận thức và kỹ năng phòng ngừa tội phạm

Nhận thức pháp luật được hiểu là sự hiểu biết và khả năng vận dụng các quy định pháp luật vào thực tiễn, giữ vai trò định hướng hành vi của cá nhân trong xã hội. Trong khi đó, kỹ năng phòng ngừa tội phạm là năng lực nhận diện, đánh giá và xử lý các tình huống có nguy cơ vi phạm pháp luật, thể hiện qua khả năng ứng phó chủ động, linh hoạt trước các tác động từ môi trường xung quanh.

Về phương diện pháp lý, Hiến pháp năm 2013 khẳng định quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tuân thủ pháp luật, đồng thời đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm an ninh, trật tự xã hội. Cụ thể hóa tinh thần đó, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 nhấn mạnh việc trang bị kiến thức pháp luật cho công dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa vi phạm. Bên cạnh đó, Luật An ninh mạng năm 2018 và Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thiết lập khuôn khổ pháp lý quan trọng trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi phạm tội, nhất là trong không gian mạng.

Từ góc độ lý luận, nhận thức và kỹ năng có mối quan hệ hữu cơ, trong đó nhận thức là nền tảng, còn kỹ năng là sự cụ thể hóa của nhận thức trong hành động. Nhận thức đầy đủ và có hệ thống sẽ tạo tiền đề cho việc hình thành kỹ năng phòng ngừa hiệu quả; ngược lại, sự thiếu hụt nhận thức sẽ làm hạn chế khả năng ứng phó trước các tình huống rủi ro.

Trong bối cảnh hiện nay, khi các loại tội phạm ngày càng tinh vi và đa dạng, việc kết hợp giữa giáo dục nhận thức pháp luật và rèn luyện kỹ năng thực tiễn cho sinh viên không chỉ là yêu cầu mang

tính cấp thiết mà còn là giải pháp căn bản nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 120 sinh viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu trong tháng 3/2026.

2.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Sử dụng bảng hỏi khảo sát, phỏng vấn nhóm nhỏ và phân tích tài liệu.

2.2.3. Nội dung khảo sát

Tập trung vào: Nhận thức của sinh viên về tội phạm và phòng ngừa tội phạm, mức độ tiếp cận thông tin pháp luật, kỹ năng xử lý tình huống và thái độ của sinh viên về việc tham gia phòng chống tội phạm.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Nhận thức của sinh viên về tội phạm

Bảng 1. Mức độ nhận thức về tội phạm và phòng ngừa tội phạm

Nội dung khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ %
Biết khái niệm về tội phạm	98	81,7%
Hiểu rõ các loại tội phạm phổ biến	85	70,8%
Biết các biện pháp phòng ngừa	72	60,0%
Hiểu rõ các quy định pháp luật liên quan	55	45,8%

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của sinh viên về tội phạm và phòng ngừa tội phạm có sự phân hóa theo chiều sâu. Tỷ lệ sinh viên biết khái niệm cơ bản về tội phạm đạt mức cao (81,7%), cho thấy phần lớn đã có nền tảng nhận thức ban đầu. Tuy nhiên, khi chuyển sang các nội dung đòi hỏi mức độ hiểu biết cụ thể và hệ thống hơn, tỷ lệ này có xu hướng giảm dần: hiểu về các loại tội phạm phổ biến đạt 70,8%, nhận thức về biện pháp phòng ngừa còn 60,0%, và đặc biệt, chỉ 45,8% sinh viên hiểu rõ các quy định pháp luật liên quan.

Xu hướng giảm dần này phản ánh một thực tế đáng chú ý: nhận thức của sinh viên chủ yếu dừng ở mức độ khái quát, mang tính cảm tính,

trong khi chiều sâu pháp lý và khả năng vận dụng còn hạn chế. Điều này cho thấy việc tiếp cận kiến thức pháp luật của sinh viên chưa mang tính hệ thống, thiếu sự gắn kết giữa “biết” và “hiểu”, giữa lý thuyết và thực tiễn.

Mặc dù nền tảng nhận thức ban đầu tương đối tốt, nhưng sự thiếu hụt về chiều sâu và tính ứng dụng đang là rào cản lớn trong việc hình thành năng lực phòng ngừa tội phạm một cách hiệu quả. Đây cũng là vấn đề đặt ra đối với công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường hiện nay, đòi hỏi phải chuyển mạnh từ cung cấp kiến thức sang phát triển năng lực nhận thức toàn diện và thực chất hơn.

2.3.2. Mức độ tiếp cận thông tin

Bảng 2. Nguồn tiếp cận thông tin về phòng ngừa tội phạm

Nguồn thông tin	Số lượng	Tỷ lệ
Mạng xã hội	102	85,0
Nhà trường	84	70,0%
Báo chí, truyền hình	74	61,7
Gia đình, bạn bè	50	41,7

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên tiếp cận thông tin về phòng ngừa tội phạm qua nhiều kênh khác nhau, trong đó mạng xã hội tiếp tục giữ vai trò chi phối với tỷ lệ 85,0%. Điều này phản ánh rõ xu hướng tiếp nhận thông tin trong thời đại số, nơi các nền tảng trực tuyến trở thành nguồn thông tin nhanh, đa dạng và dễ tiếp cận. Tuy nhiên, mức độ phụ thuộc cao vào mạng xã hội cũng đặt ra thách thức về tính xác thực và độ tin cậy của thông tin.

Đáng chú ý, vai trò của nhà trường đã được cải thiện rõ rệt với tỷ lệ 70,0%, cao hơn cả báo chí,

truyền hình (61,7%). Kết quả này cho thấy nhà trường đang từng bước khẳng định vị trí là kênh cung cấp thông tin chính thống và có định hướng trong giáo dục pháp luật cho sinh viên. Tuy vậy, khoảng cách giữa nhà trường và mạng xã hội vẫn còn khá lớn, cho thấy cần tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức truyền đạt để nâng cao sức hấp dẫn và hiệu quả tiếp cận.

Trong khi đó, gia đình và bạn bè chỉ chiếm 41,7%, phản ánh vai trò còn hạn chế của môi trường xã hội gần gũi trong việc hình thành nhận thức pháp luật.

Tổng thể, cơ cấu nguồn thông tin cho thấy sự đan xen giữa kênh chính thống và phi chính thống, trong đó mạng xã hội giữ ưu thế nổi bật, còn nhà trường đang dần gia tăng vai trò định hướng. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường hơn nữa vai trò của các thiết chế giáo dục chính thống, đồng thời nâng cao năng lực chọn lọc, đánh giá thông tin của sinh viên trong bối cảnh thông tin đa chiều hiện nay.

2.3.3. Kỹ năng phòng ngừa tội phạm

Kỹ năng phòng ngừa tội phạm của sinh viên chủ yếu tập trung ở mức trung bình, phản ánh một thực trạng đáng lưu ý về năng lực ứng phó trong các tình huống rủi ro. Ở hầu hết các kỹ năng, tỷ lệ sinh viên đạt mức trung bình chiếm ưu thế (dao động từ 40% đến gần 50%), trong khi tỷ lệ đạt mức tốt còn tương đối khiêm tốn.

Cụ thể, kỹ năng nhận diện hành vi lừa đảo có tỷ lệ trung bình cao nhất (50%), cho thấy sinh viên bước đầu có khả năng nhận biết các dấu hiệu phổ biến, nhưng vẫn thiếu sự nhạy bén và chính xác trong các tình huống phức tạp. Đối với kỹ năng xử lý tình huống bị đe dọa, tỷ lệ yếu lên tới 30% - mức cao nhất trong các nhóm kỹ năng - phản ánh rõ hạn chế trong khả năng phản ứng và quyết định khi đối mặt với nguy cơ trực tiếp.

Trong khi đó, kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân có tỷ lệ “tốt” cao nhất (35%), cho thấy sinh viên đã có sự quan tâm nhất định đến an toàn thông tin trong môi trường số. Tuy nhiên, tỷ lệ trung bình và yếu vẫn chiếm tới 65%, cho thấy nhận thức chưa thực sự chuyển hóa thành năng lực hành động vững chắc. Tương tự, kỹ năng tìm kiếm hỗ trợ khi gặp nguy hiểm chủ yếu ở mức trung bình (46,7%), phản ánh sự lúng túng trong việc xác định nguồn trợ giúp và cách thức tiếp cận khi cần thiết.

Tổng thể, cơ cấu kỹ năng cho thấy một đặc điểm nổi bật: sự mất cân đối giữa nhận thức và năng lực thực hành, trong đó sinh viên tuy có hiểu biết nhất định nhưng còn thiếu kỹ năng vận dụng trong tình huống cụ thể. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải chuyển trọng tâm giáo dục từ truyền thụ kiến thức sang phát triển kỹ năng thực tiễn, đặc biệt thông qua các hoạt động trải nghiệm, mô phỏng và rèn luyện tình huống, nhằm nâng cao khả năng phòng ngừa tội phạm một cách hiệu quả và bền vững.

2.3.4. Thái độ của sinh viên

Sinh viên có nhận thức và thái độ tích cực đối với hoạt động phòng ngừa tội phạm. Cụ thể, tỷ lệ 78,3% sinh viên khẳng định sự cần thiết của việc

trang bị kỹ năng phòng ngừa cho thấy vấn đề này đã được nhìn nhận đúng đắn và có ý nghĩa đối với bản thân. Bên cạnh đó, 65,0% sinh viên sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền phản ánh tinh thần trách nhiệm và mức độ quan tâm tương đối cao.

Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên đã từng tham gia hoạt động thực tế chỉ đạt 40,0%, cho thấy sự suy giảm rõ rệt từ nhận thức đến hành động. Khoảng cách này phản ánh một nghịch lý phổ biến trong giáo dục kỹ năng: sinh viên “biết” và “sẵn sàng”, nhưng chưa thực sự “hành động”.

Điều này có thể xuất phát từ việc thiếu môi trường thực hành, cơ hội tham gia còn hạn chế hoặc hình thức tổ chức chưa đủ hấp dẫn và phù hợp với nhu cầu của sinh viên.

Tổng thể, kết quả cho thấy mặc dù nền tảng thái độ là tích cực, nhưng việc chuyển hóa thành hành vi thực tiễn còn hạn chế. Đây là vấn đề cần được quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục phòng ngừa tội phạm theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nhận thức, thái độ và hành động.

2.4. Nguyên nhân của thực trạng

Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại khoảng cách đáng kể giữa nhận thức và kỹ năng thực hành của sinh viên trong phòng ngừa tội phạm. Mặc dù phần lớn sinh viên đã có hiểu biết nhất định và thái độ tích cực, nhưng khả năng vận dụng vào thực tiễn còn hạn chế, thể hiện rõ qua các kỹ năng xử lý tình huống và mức độ tham gia hoạt động thực tế.

Thực trạng này có thể được lý giải từ một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

Thứ nhất, nội dung giáo dục pháp luật trong nhà trường còn thiên về lý thuyết, thiếu sự gắn kết với các tình huống thực tiễn, dẫn đến việc nhận thức chưa được chuyển hóa thành năng lực hành động.

Thứ hai, việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, mô phỏng tình huống còn hạn chế, chưa tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện kỹ năng trong môi trường gần với thực tế.

Thứ ba, sự ảnh hưởng của các nguồn thông tin không chính thống trên không gian mạng khiến quá trình tiếp nhận kiến thức pháp luật của sinh viên thiếu tính chọn lọc và định hướng. Cuối cùng, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục pháp luật chưa thực sự chặt chẽ, làm giảm hiệu quả tác động tổng thể.

Từ những phân tích trên, có thể thấy yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng tăng cường tính thực tiễn, chú trọng trải nghiệm và phát triển kỹ năng, qua đó

thu hẹp khoảng cách giữa nhận thức và hành động trong phòng ngừa tội phạm của sinh viên.

2.5. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục phòng ngừa tội phạm cho sinh viên

2.5.1. Đối với nhà trường

Nhà trường cần đóng vai trò trung tâm trong việc nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm thông qua việc tích hợp giáo dục pháp luật gắn với kỹ năng thực tiễn vào chương trình đào tạo. Đồng thời, cần tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm như diễn tập, mô phỏng tình huống nhằm giúp sinh viên rèn luyện khả năng ứng phó. Việc phối hợp với các lực lượng chức năng, chuyên gia trong công tác tuyên truyền cũng là giải pháp quan trọng để nâng cao tính thực tiễn và tính thuyết phục của nội dung giáo dục.

2.5.2. Đối với sinh viên

Sinh viên cần chủ động nâng cao nhận thức pháp luật, hình thành ý thức tự bảo vệ thông qua việc tích cực tìm hiểu thông tin chính thống và rèn luyện kỹ năng sống. Bên cạnh đó, cần nâng cao cảnh giác khi tham gia không gian mạng, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tiễn nhằm củng cố và vận dụng kiến thức đã học.

2.5.3. Đối với xã hội

Các cơ quan, tổ chức cần đẩy mạnh vai trò định hướng thông tin thông qua việc tăng cường truyền thông chính thống, kịp thời và chính xác. Đồng thời, cần có cơ chế kiểm soát, hạn chế thông tin sai lệch trên không gian mạng. Sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội cũng là yếu tố then chốt nhằm tạo dựng môi trường giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm trong sinh viên.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy sinh viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu đã hình thành nền tảng nhận thức tương đối về phòng ngừa tội phạm; tuy nhiên, khả năng chuyển hóa nhận thức thành kỹ năng thực hành còn hạn chế, bộc lộ khoảng cách đáng kể giữa “biết” và “làm”.

Từ thực trạng đó, việc nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm không thể dừng lại ở việc trang bị kiến thức, mà cần hướng tới phát triển năng lực hành động thông qua rèn luyện kỹ năng thực tiễn. Điều này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, sinh viên và các lực lượng xã hội, trong đó nhà trường giữ vai trò định hướng, sinh viên là chủ thể trung tâm, và môi trường xã hội là điều kiện hỗ trợ, nhằm hình thành năng lực phòng ngừa tội phạm một cách toàn diện và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Tài liệu giáo dục pháp luật trong nhà trường*. Hà Nội.
 Bộ Công an. (2023). *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm*. Hà Nội.
 Quốc hội. *Hiến pháp năm 2013*.
 Quốc hội. *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.
 Quốc hội. *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*.
 Quốc hội. *Luật An ninh mạng năm 2018*.